

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	8
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 26

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Ngô Tấn Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Lương Minh	Ủy viên
Ông Phạm Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Đinh Châu Hiếu Thiện	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Minh Hoài	Trưởng ban
Bà Phan Thị Thanh Lý	Thành viên
Bà Lê Thị Minh Chính	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Lương Minh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Sĩ Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Dương Long	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên của RSM Quốc tế.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc *Cebur*



**Nguyễn Lương Minh**  
**Tổng Giám đốc**  
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 07 năm 2017



RSM Vietnam

Central Office:

197 Lê Đình Lý, Phường Hòa Thuận Tây  
Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

T: +84 236 363 3334

F: +84 236 363 3334

www.rsm.com.vn

Số: 02/BCSX/2017-RSMMT

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3, được lập ngày 10 tháng 07 năm 2017, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Trần Dương Nghĩa**  
**Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1309-2016-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**– Chi nhánh Miền Trung**  
Thành phố Đà Nẵng, ngày 28 tháng 07 năm 2017

*Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>84.905.139.537</b>	<b>62.494.775.639</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>32.685.981.301</b>	<b>22.260.082.270</b>
1. Tiền	111		905.708.677	259.824.844
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.780.272.624	22.000.257.426
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.750.809.033</b>	<b>20.056.560.725</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	13.675.654.113	13.007.346.941
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	12.972.397.364	6.173.976.012
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.102.757.556	895.237.772
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	-	(20.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.6</b>	<b>19.447.089.173</b>	<b>15.295.123.124</b>
1. Hàng tồn kho	141		19.447.089.173	15.295.123.124
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.021.260.030</b>	<b>4.883.009.520</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.858.922.060	4.808.275.248
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.7.1	162.337.970	74.734.272
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>481.991.458.574</b>	<b>463.611.320.346</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>208.376.229.845</b>	<b>214.093.612.572</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	208.349.574.845	214.063.403.572
Nguyên giá	222		305.953.482.336	305.042.254.636
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(97.603.907.491)	(90.978.851.064)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	26.655.000	30.209.000
Nguyên giá	228		68.873.653	68.873.653
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.218.653)	(38.664.653)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>273.323.674.669</b>	<b>249.231.963.626</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	273.323.674.669	249.231.963.626
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>291.554.060</b>	<b>285.744.148</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	188.319.960	182.510.048
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		103.234.100	103.234.100
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>566.896.598.111</b>	<b>526.106.095.985</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>220.852.790.043</b>	<b>206.018.528.418</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>52.651.902.795</b>	<b>62.435.656.152</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	8.620.127.573	21.099.483.057
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.7.2	1.884.447.054	3.155.011.856
3. Phải trả người lao động	314		547.613.650	6.919.438.382
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	649.969.428	778.268.907
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	5.013.059.624	12.491.631.058
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15.1	33.614.409.488	17.714.285.714
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.322.275.978	277.537.178
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>168.200.887.248</b>	<b>143.582.872.266</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.15.2	168.200.887.248	143.582.872.266
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>346.043.808.068</b>	<b>320.087.567.567</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.16</b>	<b>346.043.808.068</b>	<b>320.087.567.567</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		291.467.070.000	291.467.070.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		291.467.070.000	291.467.070.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(35.000.000)	(35.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.131.301.456	1.131.301.456
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.480.436.612	27.524.196.111
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.524.196.111	1.951.250.986
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.956.240.501	25.572.945.125
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>566.896.598.111</b>	<b>526.106.095.985</b>



*(Handwritten signature in blue ink)*

*(Handwritten signature in blue ink)*

*(Handwritten signature in blue ink)*

Nguyễn Lương Minh  
Tổng Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 07 năm 2017

Đặng Thị Thu Nga  
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.18	44.337.811.299	22.356.381.003
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44.337.811.299	22.356.381.003
4. Giá vốn hàng bán	11	4.19	12.037.775.148	7.639.198.007
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.300.036.151	14.717.182.996
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.20	716.008.875	326.905.835
7. Chi phí tài chính	22	4.21	1.343.629.513	1.594.838.960
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		875.959.345	1.493.822.400
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.22	1.147.472.928	1.706.953.478
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.524.942.585	11.742.296.393
11. Thu nhập khác	31	4.23	-	144.979.483
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	144.979.483
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.524.942.585	11.887.275.876
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.24	1.568.702.084	665.778.551
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		28.956.240.501	11.221.497.325
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.26	993	385
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.27	955	385



Nguyễn Lương Minh  
Tổng Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 07 năm 2017

Đặng Thị Thu Nga  
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

**Mẫu số B03a - DN****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	30.524.942.585	11.887.275.876
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.621.821.724	4.638.936.136
- Các khoản dự phòng	03	(20.000.000)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.661	6.630.955
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(691.848.875)	(319.279.475)
- Chi phí lãi vay	06	875.959.345	1.493.822.400
3. Lợi nhuận từ hữ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	37.310.879.440	17.707.385.892
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.649.957.658)	33.245.960.548
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(140.570.496)	(11.101.812.042)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.134.972.293)	(3.577.497.084)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.809.912)	73.765.635
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.023.427.768)	(1.591.488.472)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.577.102.275)	(868.383.238)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(955.261.200)	(1.712.535.579)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>16.823.777.838</b>	<b>32.175.395.660</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(39.965.422.131)	(81.599.906.158)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	631.199.879	339.159.466
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(39.334.222.252)</b>	<b>(81.260.746.692)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	70.285.549.032	82.751.930.539
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(29.767.410.276)	(16.557.142.857)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.581.790.650)	(4.361.406.485)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>32.936.348.106</b>	<b>61.833.381.197</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>			
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>10.425.903.692</b>	<b>12.748.030.165</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.260.082.270	9.021.947.469
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.661)	(8.805)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>			
<b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>32.685.981.301</b>	<b>21.769.968.829</b>



Nguyễn Lương Minh  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 07 năm 2017

Đặng Thị Thu Nga  
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền  
Người lập biểu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Ban quản lý Dự án các Công trình Thủy điện vừa và nhỏ. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001787 ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 05 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 02 tháng 11 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0400599162.

Công ty đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu niêm yết trên thị trường HNX tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 828/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIC. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán PIC là ngày 09 tháng 01 năm 2017 (theo sự chấp thuận của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thông báo số 1356/TB-SGDHN ngày 27 tháng 12 năm 2016).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 291.467.070.000 đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Việt Nam	215.900.000.000	74,07	215.900.000.000	74,07
Các cổ đông khác		75.567.070.000	25,93	75.567.070.000	25,93
<b>Cộng</b>		<b>291.467.070.000</b>	<b>100</b>	<b>291.467.070.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là: 61 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 48).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất kinh doanh điện năng.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện. Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao cho các công trình giao thông, công nghiệp. Xây dựng và kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê. Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, bưu chính viễn thông, đường dây truyền tải và phân phối điện, trạm biến thế, công trình cấp thoát nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, lập thiết kế và giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, lưới điện;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt: các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, thang máy, hệ thống điều hòa, thông gió, thiết bị phòng cháy, cấp thoát nước, đường ống công nghệ và áp lực, thiết bị điện lạnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị phục vụ cho xây dựng, vật tư, thiết bị điện;
- Khai thác thủy sản nội địa. Chi tiết: Khai thác thủy sản lồng hồ gắn liền với các công trình thủy điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 02 đơn vị trực thuộc là: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư điện lực 3 tại KonTum (địa chỉ: Thôn Măng Đen, Xã Đăk Lông, Huyện Kon Plong, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam) và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư điện lực 3 tại Quảng Trị (địa chỉ: Thôn Húc Nghi, Xã Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2016.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	27.100.273	33.557.032
Tiền gửi ngân hàng	878.608.404	226.267.812
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng)	31.780.272.624	22.000.257.426
<b>Cộng</b>	<b><u>32.685.981.301</u></b>	<b><u>22.260.082.270</u></b>

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan - xem thêm mục 4.30	13.675.654.113	13.007.346.941
<b>Cộng</b>	<b><u>13.675.654.113</u></b>	<b><u>13.007.346.941</u></b>

**4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty TNHH Bất động sản Sunland	4.830.000.000	4.830.000.000
Công ty CP Tập đoàn Hanaka	2.633.400.000	-
Công ty CP Thiết bị Thủy lợi	1.386.000.000	386.000.000
Công ty TNHH Tân Xuân	1.391.071.000	-
Các đối tượng khác	2.731.926.364	957.976.012
<b>Cộng</b>	<b><u>12.972.397.364</u></b>	<b><u>6.173.976.012</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tam ứng	251.006.501	-	72.598.078	-
Lãi dự thu	119.620.974	-	58.971.978	-
Các đối tượng khác	732.130.081	-	763.667.716	-
<b>Cộng</b>	<b>1.102.757.556</b>	<b>-</b>	<b>895.237.772</b>	<b>-</b>

**4.5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Tại ngày 30/06/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Viện Khoa học Thủy lợi	-	-	-	20.000.000	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	724.130.873	-	583.560.377	-
Vật tư chờ xây lắp	18.722.958.300	-	14.711.562.747	-
<b>Cộng</b>	<b>19.447.089.173</b>	<b>-</b>	<b>15.295.123.124</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 0 đồng.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 0 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.7. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước****4.7.1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2017	Trong năm		Tại ngày 30/06/2017
	VND	VND		VND
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.263.677	-	-	3.263.677
Thuế thu nhập cá nhân	71.470.595	1.154.791.350	1.242.395.048	159.074.293
<b>Cộng</b>	<b>74.734.272</b>	<b>1.154.791.350</b>	<b>1.242.395.048</b>	<b>162.337.970</b>

**4.7.2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2017	Trong năm		Tại ngày 30/06/2017
	VND	VND		VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.153.687.572	4.388.820.931	5.002.405.169	540.103.334
Thuế thu nhập doanh nghiệp	622.449.316	1.568.702.084	1.577.102.275	614.049.125
Thuế thu nhập cá nhân	-	83.336.499	-	83.336.499
Thuế tài nguyên	847.535.828	3.092.657.109	3.581.181.461	359.011.476
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí và lệ phí khác	531.339.140	762.672.760	1.006.065.280	287.946.620
<b>Cộng</b>	<b>3.155.011.856</b>	<b>9.900.189.383</b>	<b>11.170.754.185</b>	<b>1.884.447.054</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản có định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2017	174.306.139.365	114.079.149.839	15.815.108.737	306.356.695	535.500.000	305.042.254.636
Mua sắm trong kỳ	-	-	862.050.000	49.177.700	-	911.227.700
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>174.306.139.365</b>	<b>114.079.149.839</b>	<b>16.677.158.737</b>	<b>355.534.395</b>	<b>535.500.000</b>	<b>305.953.482.336</b>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2017	36.392.640.890	47.805.185.060	6.545.873.819	226.226.295	8.925.000	90.978.851.064
Khấu hao trong kỳ	3.152.826.476	3.168.696.320	236.688.818	13.294.813	53.550.000	6.625.056.427
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>39.545.467.366</b>	<b>50.973.881.380</b>	<b>6.782.562.637</b>	<b>239.521.108</b>	<b>62.475.000</b>	<b>97.603.907.491</b>
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	137.913.498.475	66.273.964.779	9.269.234.918	80.130.400	526.575.000	214.063.403.572
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>134.760.671.999</b>	<b>63.105.268.459</b>	<b>9.894.596.100</b>	<b>116.013.287</b>	<b>473.025.000</b>	<b>208.349.574.845</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 162.278.700.489 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.904.494.999 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý là 76.348.700 đồng.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

## 4.9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2017	68.873.653	68.873.653
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>68.873.653</b>	<b>68.873.653</b>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2017	38.664.653	38.664.653
Khấu hao trong kỳ	3.554.000	3.554.000
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>42.218.653</b>	<b>42.218.653</b>
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2017	30.209.000	30.209.000
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>26.655.000</b>	<b>26.655.000</b>

Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 33.333.653 đồng.

## 4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công trình thủy điện Đăkrông 1	270.259.117.262	246.167.406.219
Công trình thủy điện Sông Tranh 5	2.900.248.952	2.900.248.952
Công trình thủy điện Đăkpônê - Hồ B	164.308.455	164.308.455
<b>Cộng</b>	<b>273.323.674.669</b>	<b>249.231.963.626</b>

## 4.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	141.082.628	123.463.382
Các khoản khác	47.237.332	59.046.666
<b>Cộng</b>	<b>188.319.960</b>	<b>182.510.048</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	7.104.847.400	7.104.847.400	11.949.616.900	11.949.616.900
Fouress Private Limited	-	-	5.508.480.000	5.508.480.000
Công ty Cổ phần Trường Danh	-	-	40.456.000	40.456.000
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	-	-	1.968.188.000	1.968.188.000
Các đối tượng khác	1.515.280.173	1.515.280.173	1.632.742.157	1.632.742.157
<b>Cộng</b>	<b>8.620.127.573</b>	<b>8.620.127.573</b>	<b>21.099.483.057</b>	<b>21.099.483.057</b>

**4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	649.969.428	772.358.906
Trích trước khối lượng quyết toán Hồ B - Đăkphôn	-	5.910.001
<b>Cộng</b>	<b>649.969.428</b>	<b>778.268.907</b>

**4.14. Phải trả khác ngắn hạn**

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
BHXH, BHYT, BHTN	-	5.755.714
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	2.727.000.000	2.727.000.000
Công ty Bảo hiểm BIDV	50.110.160	50.110.160
Cổ tức phải trả	1.634.932.550	9.216.723.200
+ Cổ tức phải trả bên liên quan - xem thêm mục 4.30	-	7.556.500.000
+ Cổ tức phải trả cổ đông khác	1.634.932.550	1.660.223.200
Phải trả khác	601.016.914	492.041.984
<b>Cộng</b>	<b>5.013.059.624</b>	<b>12.491.631.058</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.15. Vay và nợ thuê tài chính**

**4.15.1. Ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	13.000.000.000	13.000.000.000	31.100.000.000	21.100.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả:						
Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng - Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (*)	14.714.285.715	14.714.285.715	7.357.142.858	7.357.142.857	14.714.285.714	14.714.285.714
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	5.900.123.773	5.900.123.773	5.900.123.773	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>33.614.409.488</b>	<b>33.614.409.488</b>	<b>44.357.266.631</b>	<b>28.457.142.857</b>	<b>17.714.285.714</b>	<b>17.714.285.714</b>

**4.15.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn:						
Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng - Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (*)	-	-	-	7.378.364.322	7.378.364.322	7.378.364.322
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt (**)	168.200.887.248	168.200.887.248	39.185.549.032	7.189.169.728	136.204.507.944	136.204.507.944
<b>Cộng</b>	<b>168.200.887.248</b>	<b>168.200.887.248</b>	<b>39.185.549.032</b>	<b>14.567.534.050</b>	<b>143.582.872.266</b>	<b>143.582.872.266</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

(\*) Vay dài hạn tại Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng – Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFC-ĐN) theo Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 08/2014/HĐTD-DN/EVNFC-ĐN ngày 10/10/2014:

- Số tiền vay: 51.500.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 42 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 10/10/2014).
- Thời hạn ân hạn gốc: Không ân hạn.
- Lãi suất trong hạn: Áp dụng tại từng thời điểm nhận nợ bằng: lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau bình quân 04 Ngân hàng thương mại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), + biên độ lãi suất là 2,5%/năm. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9,3%/năm. Lãi suất từ ngày 01/01/2016 cho đến ngày 31/03/2016 là: 8,5%/năm, từ ngày 01/04/2016 đến 30/06/2016 là: 9,025%, từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016 là: 9,15%, từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016 là: 9,075%; từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 là: 9,075% và từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017 là: 9,15%.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
- Mục đích vay: Tái tài trợ tiểu dự án Nhà máy Thủy điện hồ A – Đăk Pône thuộc dự án Nhà máy Thủy điện Đăk Pône tại Xã Măng Cành và Xã Đăk Long, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum.
- Bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tiểu dự án Nhà máy Thủy điện hồ A – Đăk Pône công suất 14 MW thuộc dự án Nhà máy thủy điện Đăk Pône tại Xã Măng Cành và Xã Đăk Long, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum (Bao gồm bất động sản, máy móc thiết bị và các động sản khác).

Chi tiết theo Hợp đồng đảm bảo tiền vay là Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/2014/HĐTC-DN/EVNFC-ĐN ngày 10/10/2014 được ký giữa Bên thế chấp là Bên vay và Bên nhận thế chấp là Bên cho vay.

Giá trị tài sản đảm bảo: Tổng giá trị tài sản tiểu dự án Nhà máy thủy điện hồ A – Đăk Pône công suất 14 MW thuộc dự án Nhà máy thủy điện Đăk Pône đã được Công ty và EVNFC-ĐN cùng định giá thời điểm 30/09/2014 là 190.231.864.358 đồng (Chi tiết theo biên bản định giá số 10/2014 ngày 10/10/2014 được ký bởi bên nhận đảm bảo và bên đảm bảo).

(\*\*) Vay dài hạn tại Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng – Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực và Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Trung Việt theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD-PC3I ngày 22/10/2014:

- Số tiền vay: 230.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 144 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 06/02/2015).
- Thời hạn ân hạn gốc: 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên.
- Lãi suất vay trong hạn: Áp dụng tại từng thời điểm nhận nợ bằng: lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau bình quân 05 Ngân hàng thương mại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) + biên độ lãi suất là 2,2%/năm. Lãi suất vay trong hạn của chu kỳ đầu tiên được xác định vào ngày bên vay nhận nợ lần đầu tiên (ngày 06/02/2015): 8,72%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 công suất 12MW tại Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị.
- Bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ công trình Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 công suất 12MW tại xã Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị hình thành từ vốn vay và vốn tự có (bao gồm bất động sản, máy móc thiết bị và các động sản khác).

Chi tiết theo Hợp đồng đảm bảo tiền vay là Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2014/BĐ-PC3I ngày 22/10/2014 được ký giữa Bên thế chấp là Bên vay và Bên nhận thế chấp là Bên cho vay.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Giá trị tài sản đảm bảo: Tổng giá trị tài sản tính theo Tổng mức đầu tư trước thuế GTGT dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 là 326.203 triệu đồng.

**4.16. Vốn chủ sở hữu**

**4.16.1. Bảng biến động Vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Số dư tại ngày 01/01/2016	291.467.070.000	(35.000.000)	131.301.456	25.524.945.886	317.088.317.342
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	11.221.497.325	11.221.497.325
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.671.000.000)	(1.671.000.000)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(20.402.694.900)	(20.402.694.900)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2016</b>	<b>291.467.070.000</b>	<b>(35.000.000)</b>	<b>1.131.301.456</b>	<b>13.172.748.311</b>	<b>305.736.119.767</b>
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	14.351.447.800	14.351.447.800
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 01/01/2017</b>	<b>291.467.070.000</b>	<b>(35.000.000)</b>	<b>1.131.301.456</b>	<b>27.524.196.111</b>	<b>320.087.567.567</b>
Lãi trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	28.956.240.501	28.956.240.501
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích quỹ thưởng ban điều hành (*)	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>291.467.070.000</b>	<b>(35.000.000)</b>	<b>1.131.301.456</b>	<b>53.480.436.612</b>	<b>346.043.808.068</b>

(\*) Công ty trích lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 48/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2017.

**4.16.2. Chi tiết Vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	215.900.000.000	215.900.000.000
Các cổ đông khác	75.567.070.000	75.567.070.000
<b>Cộng</b>	<b>291.467.070.000</b>	<b>291.467.070.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	291.467.070.000	291.467.070.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	291.467.070.000	291.467.070.000

**4.16.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2017 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.146.707	29.146.707
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.146.707	29.146.707
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	29.146.707	29.146.707
Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.146.707	29.146.707
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	29.146.707	29.146.707
Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

**4.16.5. Cổ tức**

Nghị quyết ĐHCĐ số 48/NQ-ĐHCĐ ngày 30/06/2017 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2016 là 8% (tương đương: 23.317.360.000 đồng). Theo đó, chia cổ tức bằng tiền 4% (tương đương: 11.658.680.000 đồng) và bằng cổ phiếu 4% (tương đương 11.658.680.000 đồng). Thời gian trả cổ tức vào Quý III năm 2017.

**4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Ngoại tệ các loại		
+ USD (Tiền gửi ngân hàng)	51,79	51,79

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu với bên liên quan - xem thêm mục 4.30	44.337.811.299	22.356.381.003
<b>Cộng</b>	<b>44.337.811.299</b>	<b>22.356.381.003</b>

**4.19. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	12.037.775.148	7.639.198.007
<b>Cộng</b>	<b>12.037.775.148</b>	<b>7.639.198.007</b>

**4.20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	691.848.875	319.279.475
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	24.160.000	7.626.360
<b>Cộng</b>	<b>716.008.875</b>	<b>326.905.835</b>

**4.21. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	875.959.345	1.493.822.400
Lãi chậm trả cổ tức	465.249.507	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	2.416.000	94.385.605
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	4.661	6.630.955
<b>Cộng</b>	<b>1.343.629.513</b>	<b>1.594.838.960</b>

**4.22. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	560.134.707	833.243.088
Các khoản khác	587.338.221	873.710.390
<b>Cộng</b>	<b>1.147.472.928</b>	<b>1.706.953.478</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.23. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ xử lý công nợ lâu năm	-	144.979.483
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>144.979.483</b>

**4.24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.524.942.585	11.887.275.876
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	31.189.919.721	11.742.296.393
- Thu nhập từ hoạt động khác	(664.977.136)	144.979.483
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	849.099.087	993.356.686
- Thủ lao HĐQT không trực tiếp điều hành	92.400.000	117.660.000
- Chi phí không hợp lệ	756.699.087	875.696.686
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	31.374.041.672	12.880.632.562
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	31.374.041.672	12.735.653.079
- Thu nhập từ hoạt động khác	-	144.979.483
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.137.404.167	1.302.561.205
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động ưu đãi (10%)	3.137.404.167	1.273.565.308
- Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khác	-	28.995.897
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	1.568.702.083	636.782.654
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.568.702.084</b>	<b>665.778.551</b>

**4.25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ	155.159.732	36.090.692
Chi phí nhân công	1.848.138.238	1.953.145.801
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.621.821.724	4.638.936.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.992.024	215.219.504
Chi phí khác bằng tiền	4.377.136.358	2.502.759.352
<b>Cộng</b>	<b>13.185.248.076</b>	<b>9.346.151.485</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.956.240.501	11.221.497.325
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.956.240.501	11.221.497.325
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	29.146.707	29.146.707
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>993</b>	<b>385</b>

**4.27. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.956.240.501	11.221.497.325
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.956.240.501	11.221.497.325
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	29.146.707	29.146.707
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm (*)	1.165.868	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>955</b>	<b>385</b>

Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chưa trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi (do Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ chưa quy định cụ thể tỷ lệ trích quỹ này).

**4.28. Công cụ tài chính**

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể chịu rủi ro về lãi suất.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.685.981.301	22.260.082.270
Phải thu khách hàng	13.675.654.113	13.007.346.941
Phải thu khác	851.751.055	802.639.694
<b>Cộng</b>	<b>47.213.386.469</b>	<b>36.070.068.905</b>
<b>Công nợ tài chính:</b>		
Phải trả người bán	8.620.127.573	21.099.483.057
Chi phí phải trả	649.969.428	778.268.907
Vay và nợ thuê tài chính	201.815.296.736	161.297.157.980
Phải trả khác	5.013.059.624	12.485.875.344
<b>Cộng</b>	<b>216.098.453.361</b>	<b>195.660.785.288</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	33.614.409.488	14.283.156.625	47.897.566.113
Trên 01 năm	168.200.887.248	-	168.200.887.248
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>201.815.296.736</b>	<b>14.283.156.625</b>	<b>216.098.453.361</b>
Dưới 01 năm	17.714.285.714	34.363.627.308	52.077.913.022
Trên 01 năm	143.582.872.266	-	143.582.872.266
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>161.297.157.980</b>	<b>34.363.627.308</b>	<b>195.660.785.288</b>

**Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thỏa thuận. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Nợ tài chính:</b>		
Theo lãi suất thỏa thuận	201.815.296.736	161.297.157.980

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.29. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

**4.30. Thông tin về các bên có liên quan**

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Điện lực miền Trung

Công ty mẹ

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Phải thu khách hàng - xem thêm mục 4.2	13.675.654.113	13.007.346.941
Phải trả khác - cổ tức phải trả - xem thêm mục 4.14	-	7.556.500.000

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán điện		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	44.337.811.299	22.356.381.003
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.18</b>	<b>44.337.811.299</b>	<b>22.356.381.003</b>

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	334.800.000	652.600.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	397.646.000	459.646.000
<b>Cộng</b>	<b>732.446.000</b>	<b>1.112.246.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.31. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



*Ceuter*

*Abh*

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Lương Minh**  
Tổng Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 07 năm 2017

\_\_\_\_\_  
**Đặng Thị Thu Nga**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Lê Thị Hiền**  
Người lập biểu